xiōng

匈

breast, chest, thorax; to clamor; Hungary

Common Words

xiōng yá lì	xiōng nú	xiōng rén
匈牙利	匈奴	匈人
Hungary	Xiongnu (ancient nomadic people)	Huns (historical nomadic people)

Trace each stroke, then write the character on your own.

匈 匈 匈 匈 匈 匈 匈 匈 匈